

*Phần III***TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Các tổ chức và cá nhân sản xuất và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, phân bón hiện đang có các loại nhãn hàng hóa được phép lưu hành và sử dụng tại Việt Nam phải tự tiến hành rà soát lại việc ghi nhãn sản phẩm của mình theo Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 34/1999/TT-BTM của Bộ Thương mại và hướng dẫn tại Thông tư này. Trong trường hợp nhãn sản phẩm, bao bì cũ còn số lượng lớn cần tiếp tục lưu hành phải báo cáo và làm văn bản xin phép các cơ quan quản lý chuyên ngành theo phân cấp hiện hành về sản phẩm đó, nhưng thời gian kéo dài không được quá ngày 31 tháng 12 năm 2000.

2. Các tổ chức và cá nhân có hoạt động nhập khẩu các loại nguyên liệu và các thành phẩm về thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, phân bón, các loại giống cây trồng, vật nuôi từ nước ngoài cần thông báo với nhà cung cấp về các nội dung bắt buộc phải ghi trên nhãn sản phẩm hàng hóa nhập khẩu để thống nhất biện pháp thực hiện.

3. Các tổ chức và cá nhân cần thay đổi loại nhãn hàng hóa và mẫu nhãn mới phải tiến hành đăng ký lại với cơ quan quản lý chuyên ngành theo quy định hiện hành. Việc tiến hành in nhãn mới chỉ có giá trị khi được phép của cơ quan quản lý chuyên ngành.

4. Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y, Cục Khuyến nông và Khuyến lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng và nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện, thanh tra và kiểm tra việc ghi nhãn hàng hóa đối với các hàng hóa được giao và 6 tháng một lần báo cáo về Bộ (Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm). Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm có trách nhiệm tổng hợp việc thực hiện ghi

nhãn hàng hóa báo cáo với Bộ và phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện tốt Quyết định số 178/1999/QĐ-TTg, Thông tư số 34/1999/TT-BTM của Bộ Thương mại và Thông tư này.

5. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 60 ngày kể từ ngày ký.

Những quy định trước đây về ghi nhãn hàng hóa trái với Thông tư này đều không còn hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc cần kịp thời báo cáo về Bộ để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

NGÔ THẾ DÂN

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH số 154/2000/QĐ-BTC
ngày 22/9/2000 về việc sửa đổi mức
thuế suất thuế nhập khẩu một số
mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong
Biểu thuế thuế nhập khẩu ưu đãi.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Căn cứ khung thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập khẩu theo Danh mục nhóm hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-UBTVQH10 ngày 10/10/1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa X;

Căn cứ Điều 1 Nghị định số 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 111/2000/QĐ-TTg ngày

20/9/2000 của Thủ tướng Chính phủ về điều hành kinh doanh xăng dầu;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Quyết định số 130/2000/QĐ-BTC ngày 24/8/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới như sau:

Mã số			Mô tả nhóm, mặt hàng	Thuế suất (%)
Nhóm	Phân nhóm			
2710			Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum, trừ dạng thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có tỷ trọng dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng chất chứa bi-tum chiếm từ 70% trở lên, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó	
			- Xăng các loại:	
2710	00	11	- - Xăng máy bay	15
2710	00	12	- - Xăng dung môi	10
2710	00	19	- - Xăng loại khác	0
2710	00	20	- Diesel	0
2710	00	30	- Ma-dút	0
2710	00	40	- Nhiên liệu dùng cho máy bay (TC1, ZA1...)	25
2710	00	50	- Dầu hỏa thông dụng	0
2710	00	60	- Naptha, Reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng	0
2710	00	70	- Condensate và các chế phẩm tương tự	0
2710	00	90	- Loại khác	10

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành và áp dụng cho các Tờ khai hàng nhập khẩu đã nộp cho cơ quan hải quan bắt đầu từ ngày 21 tháng 9 năm 2000. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH